

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2018.

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Thái.
2. Ông Trần Văn Tuyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Cẩm Thoang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Xuân Kỳ, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Thái H, sinh năm: 1982; Có mặt.
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

2. **Bị đơn:** Bà Lê Thị B, sinh năm: 1986; Vắng mặt có lý do.
Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.
Chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã D, huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 11/10/2017, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thái H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Trong quá trình sống chung, vợ chồng có 02 người con chung, vào năm 2012 ông H xuất khẩu lao động ở Đài Loan thì bà B bế 02 con chung bỏ đi về quê sinh sống, không liên lạc gì với ông H. Nay ông H yêu cầu giải quyết ly hôn với bà B.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lê Đức D, sinh ngày

02/11/2008 và Nguyễn Lê Phú A, sinh ngày 22/11/2012, từ năm 2012 đến nay bà B là người trực tiếp nuôi con. Ông H giao hai con chung cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng ông không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

*** Tại Bản tự khai và Biên bản ghi lời khai ngày 05/3/2018, bị đơn bà Lê Thị B trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông H kết hôn năm 2008, kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D. Sau khi kết hôn cuộc sống gia đình hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn do ông H đánh đập bà B và ông H ngoại tình với người phụ nữ khác. Nay ông H yêu cầu ly hôn, bà B đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như ông H trình bày, hiện nay bà B đang trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/02 con cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tuân thủ đúng quy định pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của ông H, cho ly hôn giữa ông H và bà B; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Đức D, sinh ngày 02/11/2008 và Nguyễn Lê Phú A, sinh ngày 22/11/2012 cho bà B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng; Ông H phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình; Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị HĐXX xem xét; Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị B có lời trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị B tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 ngày 22/02/2008), trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2012, không liên lạc, quan tâm

nhau, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H và bà B thống nhất thuận tình ly hôn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thái H với bà Lê Thị B.

Về con chung: Ông H và bà B có 02 con chung Nguyễn Lê Đức D, sinh ngày 02/11/2008 và Nguyễn Lê Phú A, sinh ngày 22/11/2012. Từ năm 2012 đến nay bà B là người trực tiếp nuôi con, ông H và bà B đều thống nhất giao hai con cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng nên để đảm bảo cho các con chung có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn, giao con chung cho bà B tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng/02 con và tại phiên tòa ông H chấp nhận yêu cầu của bà B, để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con chung, HĐXX ghi nhận thỏa thuận của ông H và bà B, buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho hai con chung Nguyễn Lê Đức D và Nguyễn Lê Phú A với mức 1.000.000 đồng/tháng/01 con chung.

Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 04/2018 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình;

Về tài sản chung: Ông H và bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không nợ ai không ai nợ vợ chồng nên HĐXX không xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Ông Nguyễn Thái H phải chịu án phí HNGĐ-ST 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, ông Hưng đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007792 ngày 23/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên nên ông H phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa ông Nguyễn Thái H và bà Lê Thị B.

Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Lê Đức D, sinh ngày 02/11/2008 và Nguyễn Lê Phú A, sinh ngày 22/11/2012 cho bà Lê Thị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H phải cấp dưỡng nuôi con cho hai con chung Nguyễn Lê Đức D và Nguyễn Lê Phú A với mức 1.000.000 đồng/tháng/01 con.

Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 04/2018 cho đến khi phát sinh một trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình;

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

Về nợ chung: Các đương sự xác định không nợ ai không ai nợ vợ chồng nên HĐXX không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Ông Nguyễn Thái H phải chịu án phí HNGĐ-ST 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) và án phí DSST 300.000 đồng (Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con), ông H đã nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007792 ngày 23/11/2017 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên nên ông H phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện P.Hòa
- TAND tỉnh Phú Yên
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Nguyễn Thanh Hưng